

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2020/HNGĐ-ST

Ngày 15-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Hoàng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;

2. Bà Nguyễn Ngọc Diệp.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020; quyết định hoãn phiên tòa số 95/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978; thường trú: Đội 3, Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh H; tạm trú: Tổ 18, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân T, sinh năm 1976; thường trú: Đội 3, Thôn 1, xã Ô, huyện K, tỉnh H; tạm trú: Tổ 18, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T sau thời gian tìm hiểu, anh chị chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không có đăng ký kết hôn.

Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T chung sống tại thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, mỗi người có một cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Chị N đã cố gắng cùng anh T hàn gắn gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị N xác định không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T có 02 con chung tên Lê T, sinh ngày 27/7/2000 và Lê Thị Anh T, sinh ngày 05/12/2008. Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Thị Anh T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung Lê T đã trưởng thành, chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lê Xuân T*: Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ để yêu cầu anh Lê Xuân T cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 30/7/2020 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị N, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

- *Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị N và anh T do Tòa án tiến hành ngày 26/6/2020, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau*: Chị N và anh T trước khi nộp đơn khởi kiện tranh chấp ly hôn tại Tòa án, chị N không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ vì không thấy đại diện khu phố, nhân dân phản ánh hay cung cấp thông tin gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Năm 1999, nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tự nguyện không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên ghi nhận. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét giải quyết là phù hợp.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N làm đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn anh Lê Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào các ngày 24/8/2020 và ngày 15/9/2020 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T tự nguyện sống chung với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Vì vậy, việc chung sống của chị N và anh T là vi phạm quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 “*Việc đăng ký kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm

2014, Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về thi hành Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị N, không công nhận chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T là vợ chồng

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T có 02 con chung tên Lê T, sinh ngày 27/7/2000 và Lê Thị Anh T, sinh ngày 05/12/2008. Hiện nay, con chung đang ở cùng với chị N. Chị Nguyễn Thị N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung cháu Lê Thị Anh T. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình tố tụng tại Tòa án, anh Lê Xuân T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý chí mong muốn được nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay, cháu Lê Thị Anh T được chị N nuôi dưỡng vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu Lê Thị Anh T có mong muốn được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cho con chung có thể phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, Tòa án giao cháu Lê Thị Anh T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc sau khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Đối với cháu Lê Tuấn đã trưởng thành, chị N không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội X về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Lê Xuân T.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N với anh Lê Xuân T.

- Về con chung: Anh Lê Xuân T giao con chung Lê Thị Anh Thơ, sinh ngày 05/12/2008 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Lê Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, chị Nguyễn Thị N và anh Lê Xuân T đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040539 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Hoàng**